TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/DS-PT
Ngày: 18-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thúy

Bà Trần Thị Túc

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2025/TLPT-DS ngày 25/6/2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 123/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1992; cư trú tại thôn P, xã B, huyện B (nay là xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Đức H, sinh năm 2000; cư trú tại xóm B, xã Q, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An và bà Hoàng Thị Thúy Q, sinh năm 1997; cư trú tại T, xã H, huyện H (nay là xã B), Thành phố Đà Nẵng (theo Văn bản ủy quyền ngày 10/3/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn C và bà Phạm Thị T – Là Luật sư thuộc Công ty L3; địa chỉ trụ sở: Tầng B, Tòa nhà T, số H đường N, phường N, quận H (nay là phường H), Thành phố Đà Nẵng

- *Bị đơn:* Tổng Công ty Cổ phần B;

Địa chỉ trụ sở: Số A đường Đ, phường Đ, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Quốc D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1952; cư trú tại số E đường P, phường B, quận B (nay là phường G), Thành phố Hồ Chí Minh và bà Trần Thị H1, sinh năm 1995; cư trú tại Chung cư B, phường E, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số A đường Đ, phường Đ, Quận A (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 407/2023/UQ-TGĐ ngày 21/12/2023).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn K, sinh năm 1990; cư trú tại thôn P, xã B, huyện B (nay là xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ngân hàng TMCP N1.

Địa chỉ trụ sở: Số A đường T, phường L, quận H (nay là phường C), Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T1 - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP N1: Ông Võ Văn L - Giám đốc Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh Q1; địa chỉ liên hệ: Số C đường H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi (theo Văn bản ủy quyền số 636/UQ-VCB-PC ngày 15/10/2021).

Bà O, ông H, bà T, ông M, bà H1 có mặt. Bà Q, ông C và ông K và Ngân hàng TMCP N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2023, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 30/10/2023, các tài liệu có tại hồ sơ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim O và người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Đức H trình bày:*

Ngày 05 tháng 11 năm 2022, giữa bà và Tổng Công ty Cổ phần B - Công ty B1 (Sau đây gọi là: Công ty B1) có ký kết Hợp đồng bảo hiểm Tàu cá số: 1850/22/HD-0102/31-KD1 với nội dung bảo hiểm vật chất thân tàu (gồm: Vỏ tàu, máy tàu), trách nhiệm dân sự chủ tàu đối với Tàu cá mang số hiệu QNG - 90527 - TS (sau đây viết tắt là Tàu cá QNG - 90527 - TS) do bà làm chủ tàu. Số tiền bảo hiểm là 2.500.000.000 đồng (trong đó vỏ tàu: 80%, Máy: 20%, Trang thiết bị: Không). Phí bảo hiểm là 27.500.000 đồng, tỷ lệ bảo hiểm 1,1%.

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 06/02/2023, Tàu cá QNG - 90527-TS xuất bến tại cảng S do ông Võ Văn Kim C1 của bà làm thuyền trưởng. Sau khi xuất bến ông Võ Văn K điều khiển tàu đến khu vực Đảo B thuộc vùng biển H, Việt Nam để khai thác đánh bắt hải sản. Đến 07 giờ 00 phút ngày 22/02/2023 khi Tàu cá QNG-90527-TS neo tại vị trí $16^0$01’ N-112^0 26’E thì nghe thông tin thời tiết khu vực H trên Icom từ

radio H2 có gió giật cấp 6 - 7 và có dông giật cấp 8 thì ông Võ Văn K điều khiển Tàu cá QNG - 90527 –TS chuyển hướng tàu về đảo B, di chuyển cùng còn có Tàu cá mang số hiệu QNg - 90627-TS (sau đây viết tắt là Tàu cá QNg - 90627-TS) do ông Võ Văn L1 làm thuyền trưởng. Tuy nhiên, đến 08 giờ 00 phút ngày 22/02/2023, tại tọa độ $16^0$01’ N-112^0 19’E cách đảo B khoảng 7 hải lý, thì Tàu cá QNg 90527-TS bị sóng đánh vỡ đáy thuyền, sau đó không lâu thì con tàu bị chìm hoàn toàn. Toàn bộ thuyền viên trên tàu được Tàu cá QNg-90627-TS do ông Võ Văn L1 làm thuyền trưởng cứu thoát nạn.

Ngày 26/02/2023, bà và ông Võ Văn K đã có thông báo tai nạn tới Công ty B1. Đến ngày 15/6/2023, Công ty B1 có Công văn số 1276/2023/CV-BL về việc bồi thường tổn thất Tàu cá QNG-90527-TS bị chìm ngày 22/02/2023 dựa trên Báo cáo giám định của Công ty TNHH G đính kèm chứng thư thẩm định giá số 58/CT-VFC/CNHP ngày 18/5/2023 của Chi nhánh H3 - Công ty CP Đ VVFC, xác định giá trị Tàu cá QNG-90527-TS tại thời điểm tháng 02/2023 là 1.807.000.000 đồng và Công ty B1 đã sử dụng Báo cáo giám định này để áp mức bồi thường thiệt hại cho Tàu cá số QNG-90527-TS. Không đồng ý với số tiền chi trả bảo hiểm nêu trên, bà đã có văn bản phản hồi cho Bảo L2. Tiếp đến ngày 26/6/2023, Công ty B1 có Công văn số 1388/2023/CV-BL về việc bồi thường tổn thất tàu QNG-90527.TS bị chìm ngày 22/02/2023 với nội dung yêu cầu bà xác nhận số tiền bồi thường là 1.807.000.000 đồng. Ngày 02/8/2023, phía đại diện Công ty B1 có tổ chức buổi gặp mặt thỏa thuận và thương lượng về mức chi trả tiền bồi thường thiệt hại đối với sự cố xảy ra đối với Tàu cá QNG-90527-TS. Tuy nhiên, tại buổi làm việc này phía Công ty B1 vẫn giữ nguyên mức bồi thường là 1.807.000.000 đồng mà không phải là số tiền bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm là 2.500.000.000 đồng.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo hiểm, giá trị thực tế của Tàu cá mang số hiệu QNG- 90527-TS là 4.170.000.000 đồng. Trước khi ký kết hợp đồng, Công ty B1 nhiều lần cử nhân sự xuống kiểm tra con tàu nên việc bà có kê khai giá trị con tàu là 4.170.000.000 đồng, Công ty B1 biết rõ và không có ý kiến phản đối. Về số tiền bảo hiểm 2.500.000.000 đồng, đây là giá trị bảo hiểm con tàu thực tế mà Công ty B1 đã công nhận và yêu cầu bà xác nhận. Dù giá trị thực tế của con tàu lớn hơn rất nhiều nhưng vì Công ty B1 đã công nhận giá trị này nên bà đồng ý và từ đó phí bảo hiểm một năm bà phải đóng cho Công ty B1 là 27.500.000đồng, được tính căn cứ theo số tiền bảo hiểm 2.500.000.000đồng. Việc định giá này là do Công ty B1 tự tính toán, thực hiện và bà không có bất cứ ý kiến nào.

Chỉ 03 tháng sau khi ký hợp đồng, con tàu bị phát sinh sự kiện bảo hiểm và thiệt hại hoàn toàn nên Công ty B1 phải bồi thường cho bà bằng đúng giá trị thực tế cả con tàu mà Công ty B1 đã đồng ý bảo hiểm là 2.500.000.000 đồng. Việc công ty Cổ phần B1 sử dụng Chứng thư thẩm định giá số 58/CT-VVFC/CNHP ngày 18/5/2023 của Chi nhánh H3 - Công ty CP Đ VVFC định giá con tàu nào đó ở ngoài H số tiền là 1.807.000.000 đồng và sử dụng giá này để bồi thường cho con tàu của bà là không đúng với thỏa thuận của các bên.

Ngày 24/10/2023, phía Công ty B1 đã chi trả cho bà số tiền 1.807.000.000 đồng, còn lại số tiền 693.000.000 đồng Công ty không đồng ý chi trả. Do đó nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải chi trả cho bà số tiền bảo hiểm tàu cá còn lại là 693.000.000đ trong tổng số tiền bảo hiểm 2.500.000.000 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số 1850/22/HD-0102/31-KD1 ngày 05/11/2022 đối với Tàu cá số đăng ký QNg-90527-TS giữa bà là Nguyễn Thị Kim O và Tổng công ty Cổ phần B.

** Tại Bản tự khai đề ngày 08/3/2024, các tài liệu có tại hồ sơ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là Tổng Công ty Cổ phần B do ông Hoàng Văn M và bà Trần Thị H1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 05/11/2022, Tổng Công ty Cổ phần B - Công ty B1 (Sau đây viết tắt là Công ty B1) và bà Nguyễn Thị Kim O đã ký kết Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số 1850/22/HD-0102/31-KD1. Đối tượng bảo hiểm: Tàu "QNG-90527-TS"; Người được bảo hiểm: Nguyễn Thị Kim O; Người thụ hưởng: Ngân hàng TMCP N1 – P; Giấy chứng nhận bảo hiểm số: 1353/22/HD-1024/31-KD1 ngày 05/11/2022; Hiệu lực bảo hiểm từ 00h 00 phút ngày 06/11/2022 đến 23h 59 phút ngày 05/11/2023. Điều kiện và điều khoản bảo hiểm: Bảo hiểm thân tàu điều kiện "A" theo "Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá" Ban hành kèm theo Quyết định số 3916/2019/QĐ-TGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần B; Giá trị thân tàu khai báo: 4.170.000.000 đồng; Số tiền bảo hiểm: 2.500.000.000đồng; Mức khấu trừ: 3,5% STBT, tối thiểu 3.500.000 đồng/vụ; Tổng phí theo hợp đồng bảo hiểm 27.500.000 đồng. Ngày 22/02/2023, Tàu cá QNG-90527-TS xảy ra tai nạn tại Tọa độ 16^0 02'N 112^0 019'E thuộc khu vực đảo H. Sau khi nhận được thông báo tổn thất của nguyên đơn, Công ty B1 đã yêu cầu Công ty TNHH G (Sau đây gọi tắt là Công ty G) tham gia giám định mức độ tổn thất để đảm bảo tính độc lập khách quan với công tác bồi thường của Công ty B1.

Căn cứ vào Báo cáo giám định cuối ngày 23/05/2023 của Công ty G, đính kèm Chứng thư thẩm định giá số: 58/CT-VVFC/CNHP ngày 18/05/2023 của Chi nhánh H3 - Công ty Cổ phần Đ VVFC. Công ty B1 đã tiến hành bồi thường cho nguyên đơn số tiền 1.807.000.000 đồng. Căn cứ bồi thường: Theo quy định tại khoản 3 Điều 16 và khoản 1 Điều 51 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022. Căn cứ quy định trên, số tiền bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm nơi xảy ra tổn thất, mức độ thiệt hại thực tế và không vượt quá thiệt hại thực tế trong sự kiện bảo hiểm, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác trong Hợp đồng bảo hiểm.

Đồng thời, tại khoản 2 điều 10 Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số 1850/22/HD-0102/31-KD1 ngày 05/11/2022 giữa Bảo L2 và Nguyên đơn có quy định: Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường Bảo L2 phải trả cho N được bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của tàu được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất. Số tiền bồi thường được xác định trên cơ sở giá trị thực tế của tàu sau khi đã khấu hao theo quy định pháp luật. Căn cứ các quy định trên, số tiền bồi thường Bảo L2 phải trả

cho người được bảo hiểm không được vượt quá số tiền bảo hiểm và giá trị thực tế của tàu được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất.

Về giá trị thực tế của Tàu cá QNg-90527-TS tại Báo cáo Giám định cuối của Công ty TNHH G ngày 23/5/2023, thể hiện như sau: Để xác định giá trị thực tế của Tàu cá QNg-90527-TS tại thời điểm xảy ra tổn thất, Công ty G đã liên hệ với đơn vị thẩm định giá để tiến hành đánh giá giá trị tàu tại thời điểm xảy ra rổn thất. Theo chứng thư thẩm định giá số 58/CT- VVFC–CNHP ngày 18/5/2023 của Chi nhánh H3 – Công ty CP Đ1, giá trị Tàu cá QNg-90527-TS thời điểm tháng 02/2023 là: 1.807.000.000 đồng. Công ty B1 đã bồi thường cho nguyên đơn số tiền 1.807.000.000 đồng là đúng theo hợp đồng cam kết và theo quy định pháp luật. Do đó, nay nguyên đơn yêu cầu Công ty B1 phải bồi thường thêm số tiền 693.000.000đồng thì Công ty B1 không đồng ý.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn K thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP N1 do ông Võ Văn L đại diện trình bày:*

Vào ngày 24/10/2023, ông Võ Văn K và bà Nguyễn Thị Kim O đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay từng lần số 76/2017/NHNT.ĐP ngày 23/01/2017 và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1207/2017/NHNT.ĐP ngày 27/12/2017. Do đó, Ngân hàng đã hoàn trả toàn bộ tài sản và thực hiện xóa đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các tài sản bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi) đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim O. Buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ trả số tiền bảo hiểm tàu cá còn lại là 693.000.000 đồng (*sáu trăm chín mươi ba triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị Kim O; Theo Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số 1850/22/HD-0102/31-KD1 ngày 05/11/2022 giữa Bà Nguyễn Thị Kim O và Tổng công ty Cổ phần B – Công ty B1 và Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 1353/22/HD-1024/31-KD1 ngày 05/11/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 05/05/2025 và ngày 23/05/2025, Tổng Công ty Cổ phần B có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi) theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim O.

* Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hình thức, nội dung, thời hạn đơn kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án số 24/2025/DS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi). Về án phí dân sự phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/4/2025, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi) xét xử vụ án nêu trên. Ngày 05/05/2025, bị đơn có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Kim O và Tổng công ty Cổ phần B đều thống nhất vào ngày 05/11/2022 đã ký Hợp đồng bảo hiểm tàu cá số 1850/22/HD-0102/31-KD1 và Tổng công ty cổ phần B đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 1353/22/HD-1024/31-KD1 ngày 05/11/2022 cho bà Nguyễn Thị Kim O. Tổng công ty Cổ phần B bảo hiểm gồm: Thân tàu số tiền bảo hiểm 2.500.000.000 đồng (trong đó vỏ tàu 80%, máy 20%), phí bảo hiểm 27.500.000 đồng. Giá trị thân tàu kê khai là 4.170.000.000 đồng; Mức khấu trừ thân tàu là 3.5% số tiền bồi thường, tối thiểu 3.500.000 đồng/vụ tổn thất. Thời hạn bảo hiểm từ 00 giờ 00 ngày 06/11/2022 đến 23 giờ 59 ngày 05/11/2023. Người thụ hưởng là Ngân hàng TMCP N1 – Phòng G1. Sự kiện bảo hiểm xảy ra vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 22/02/2023, tại tọa độ $16^0$01’ N-112^0 19’E cách đảo B khoảng 7 hải lý, thì Tàu cá QNg 90527-TS bị sóng đánh vỡ đáy thuyền, sau đó không lâu thì con tàu bị chìm hoàn toàn. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.2.1]. Tại Điều 46 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 quy định: *Số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm được xác*

định trên cơ sở giá thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm.

Theo đó số tiền bảo hiểm là 2.500.000.000 đồng là số tiền được bảo hiểm cao nhất người mua bảo hiểm được nhận và thực tế tàu cá QNg 90527-TS của bà Nguyễn Thị Kim O bị tai nạn chìm hoàn toàn, thiệt hại 100% nên giá trị của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng bảo hiểm làm căn cứ cho việc bồi thường.

[2.2.2].Tại Điểm 9.6 Điều 9 của Hợp đồng bảo hiểm ngày 05/11/2022 giữa bà Nguyễn Thị Kim O và Tổng Công ty Cổ phần B đã ký kết có nội dung: Nếu số tiền bảo hiểm vật chất thân tàu thấp hơn giá trị thực tế của tàu, trong trường hợp xảy ra tổn thất bộ phận và thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo L2 chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá thị trường của tàu tại thời điểm giao kết hợp đồng. Nếu số tiền bảo hiểm vật chất thân tàu cao hơn giá trị thực tế của tàu, trong trường hợp xảy ra tổn thất toàn bộ và thuộc phạm vi bảo hiểm, Bảo L2 chỉ chịu trách nhiệm bồi thường đúng bằng giá trị thị trường của tàu tại thời điểm giao kết hợp đồng.

[2.2.3] Như vậy, đối tượng bảo hiểm là Tàu cá QNG-90527-TS của bà Nguyễn Thị Kim O bị tai nạn chìm toàn bộ vào ngày 22/02/2023 không trục vớt được nên thiệt hại thực tế là toàn bộ có giá trị là 4.170.000.000 đồng được bà O và Tổng công ty Cổ phần B xác định trong hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm, số tiền bảo hiểm/mức trách nhiệm là 2.500.000.000 đồng nên bà O yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B phải có nghĩa vụ trả số tiền bảo hiểm còn lại là 693.000.000đồng là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi).

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim O là phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2025/DS-ST ngày 29/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 0001424 ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi). Tổng Công ty Cổ phần B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 1 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1, Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Hoa